| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH GIANG**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đình Mạnh và ông Nguyễn Đức Đông.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà***: Ông Vũ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXXST-DS ngày 17/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị T**, sinh năm1989.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Chị T có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Anh **Lương Công H,** sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người làm chứng*:

- Ông: Lê Trọng T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bà L, ông T đều vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/5/2017, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào năm 2007. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc tại gia đình nhà chồng được hơn 01 năm thì anh H đi lao động tại Hàn Quốc, đến tháng 10/2010 chị cũng sang cùng anh. Kể từ thời điểm chị sang Hàn Quốc cùng anh H được khoảng 1 năm, vợ chồng chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ghen tuông vô cớ, giám sát hoạt động của chị bằng mọi hình thức, mọi lúc, mọi nơi như theo dõi trực tiếp, xem điện thoại, tin nhắn của chị, yêu cầu chị phải chụp thẻ chấm công khi đi làm để anh kiểm tra...Dù không có căn cứ nào về việc chị có quan hệ tình cảm với người khác, song anh H vẫn miệt thị, xúc phạm chị. Do vậy vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do căng thẳng và mệt mỏi, cùng với việc mang thai nên năm 2015 chị đã về nước, đến tháng 6/2016 anh H cũng về nước hẳn. Tuy vậy, anh H không thay đổi, vẫn nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên theo dõi, xúc phạm, miệt thị chị dù không có bất cứ căn cứ nào về việc đó. Ngoài ra, giữa chị với bố mẹ chồng còn xảy ra mâu thuẫn liên quan đến kinh tế. Cụ thể là bố mẹ anh H quản lý hết tiền của vợ chồng làm ra, khi chị yêu cầu được quản lý số tiền làm ra của vợ chồng chị, nhưng không được chấp nhận, nên giữa hai bên đã xảy ra bất hòa, thậm chí xô xát. Về phần anh H là chồng, đứng ở giữa, song không làm gì để giải quyết mâu thuẫn giữa hai bên, lại còn có ý bênh vực bố mẹ. Do cuộc sống tại gia đình nhà chồng quá căng thẳng, nên chị đã cùng với hai con nhỏ về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương từ tháng 11/2016 đến nay. Từ thời điểm vợ chồng ly thân đến nay, anh H không quan tâm, thăm hỏi gì đến chị và các con, còn chị cũng không muốn quay trở về sống cùng anh H nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa chị và anh H quá sâu sắc, không thể khắc phục được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về quan hệ con chung : Vợ chồng chị có 3 con chung là Lương Lê Công H, sinh ngày 13/4/2008 (hiện đang sống cùng anh H); Lương Lê Diễm M và Lương Lê Diễm H , cùng sinh ngày 11/12/2015 (hiện đang sống cùng với chị).

Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lương Lê Diễm M và Lương Lê Diễm H; để anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lương Lê Công H cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con hàng tháng với mức 1.000.000 đồng/1tháng/1con đối với hai con là Lương Lê Diễm M và Lương Lê Diễm H, tuy nhiên tại phiên tòa, chị rút yêu cầu cấp dưỡng đối với con Diễm M, chỉ yêu cầu anh H cấp dưỡng hàng tháng tiền nuôi con Diễm H với mức yêu cầu là 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo đến Tòa án làm việc, tham gia hòa giải... hợp lệ, song anh H không có bản tự khai gửi đến Tòa án, không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm, không có mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa, song khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm không nhất trí ly hôn, nhưng anh cũng nhận nuôi con Lương Lê Công H, để chị T nuôi con Lương Lê Diễm M và Lương Lê Diễm H; anh đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho chị T, nhưng mức tiền cấp dưỡng phải theo thỏa thuận giữa anh và chị T (nhưng anh không cung cấp chứng cứ nào về mức cấp dưỡng được hai bên thỏa thuận), còn về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chứng cứ trong vụ án:

- Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của T;

- Tài liệu chứng cứ chị T nộp: Trích lục kết hôn; Giấy khai sinh của con chung.

- Lời khai của cháu Lương Lê Công H (9 tuổi): Cháu có nguyện vọng ở với anh H, nếu anh H và chị T ly hôn.

- Lời khai của người làm chứng Ông Lê Trọng T là bố đẻ của chị T: Chị Lê Thị T và anh Lương Công H được hai gia đình tổ chức kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh H và chị T đi lao động ở nước ngoài, rồi chị T về nước trước, sau đó đến năm 2015 anh H cũng về. Từ thời điểm đó cuộc sống vợ chồng chị T bắt đầu bộc lộ mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H ghen tuông thái quá, nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác, nên cấm đoán, ngăn cản chị T trong quan hệ với bạn bè làm cho chị T cảm thấy ngột ngạt, căng thẳng. Ngoài ra vợ chồng còn có mâu thuẫn liên quan đến kinh tế, cụ thể là tiền vợ chồng làm ra, anh H quản lý hết, không cho chị T được biết. Do vậy, vợ chồng chị T thường xuyên xảy ra cãi nhau. Cách đây khoảng hơn 01 năm chị cùng với hai con nhỏ đã về cùng sống với bố mẹ đẻ ở thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Quan điểm của ông là Tòa án nên giải quyết cho chị T được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 3 con chung là Lương Lê Công H; Lương Lê Diễm M và Lương Lê Diễm H. Cháu M và cháu H cùng với chị T đã sống với gia đình ông từ khi vợ chồng chị ly thân cho đến nay. Trong trường hợp Tòa án giao cho chị T nuôi dưỡng cháu M và cháu H thì gia đình ông sẽ giúp đỡ chị T chăm sóc hai con.

- Lời khai của bà Hoàng Thị L, mẹ đẻ của anh Lương Công H: Anh H và chị T sau khi kết hôn về sống cùng với gia đình bà. Sau đó, gia đình bà đã lo liệu cho chị T đi lao động ở Hàn Quốc và còn nuôi con cho chị T và anh H trong thời gian anh chị đi lao động ở nước ngoài. Tuy nhiên, khi chị T về nước đã cư xử hỗn láo với bố mẹ chồng và đòi anh H phải về nước, nên anh H đã phải bỏ công việc ở Hàn Quốc để về nhà. Khi anh H về nước, vợ chồng chị T, anh H mâu thuẫn với nhau, mặc dù được bố mẹ hòa giải song không có kết quả. Chị T đã bỏ nhà chồng vài ba lần, bà có khuyên răn song chị T không nghe. Nay chị T yêu cầu ly hôn, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Vợ chồng chị T và anh H có 3 con chung, trong đó con lớn là Lương Lê Công H đã ở cùng bố mẹ tại nhà bà từ bé đến nay vẫn đang được anh H cùng gia đình bà chăm sóc, bà có ý kiến đề nghị để anh H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H; còn hai con Lương Lê Diễm M và Lương Lê Diễm H đang ở cùng chị T.

Kết quả xác minh tại địa phương xã H, huyện B thể hiện: Chị Lê Thị T và anh Lương Công H có mâu thuẫn với nhau, nên chị T đã không còn chung sống với anh H nữa mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định của pháp luật. Về điều kiện của anh H: Hiện nay anh H có  việc làm, thu nhập ổn định.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật trong thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Về giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị T và anh Lương Công H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, nên giữa anh chị có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau.  Việc chị T đề nghị Tòa án cho ly hôn anh H là có căn cứ.  Vì vậy: áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, xử cho chị T ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Lương Lê Diễm M và Lương Lê Diễm H; Giao cho anh Lương Công H trực tiếp nuôi dưỡng con Lương Lê Công H, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Anh Lương Công H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng (để nuôi con Lương Lê Diễm H) cho chị T với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Anh Lương Công H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

- Nguyên đơn rút một phần yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng đối với con Lương Lê Diễm M, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu này của chị T.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lương Công H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, nên giữa anh chị có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân trước hết xuất phát từ việc anh H nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác, do vậy anh H thường xuyên cấm đoán, theo dõi, chị T trong các mối quan hệ xã hội, rồi xúc phạm, miệt thị chị khiến cho chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng căng thẳng, ngột ngạt. Ngoài ra, giữa chị T và anh H còn xảy ra mâu thuẫn liên quan đến việc quản lý tiền của vợ chồng làm ra, khi chị cho rằng anh H và bố mẹ chồng đã quản lý hết tiền của vợ chồng chị mà không đưa cho chị. Từ những mâu thuẫn trên khiến giữa chị T với anh H và gia đình nhà chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí cả xô xát. Chị T đã mấy lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, lần cuối cùng là tháng 11/2016, từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân, anh H không quan tâm đến chị nữa và bản thân chị cũng không muốn trở về chung sống với anh H vì xác định mâu thuẫn vợ chồng sâu sắc không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng cũng không còn. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc chị T và anh H không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, cũng như về quản lý kinh tế gia đình, dẫn đến việc anh H xúc phạm, miệt thị chị T; vợ chồng cãi vã, bế tắc không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau thời gian dài, nhưng cả hai bên không hề có bất cứ giải pháp nào khắc phục, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn. Hội đồng xét xử xác định tình trạng vợ chồng chị T đã trở nên trầm

trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T ly hôn anh H.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là Lương Lê Công H, sinh ngày 13/4/2008 (hiện đang sống cùng anh H); Lương Lê Diễm M và Lương Lê Diễm H , sinh ngày 11/12/2015 (sinh đôi). Hiện hai con đang sống cùng chị T. Đến nay cháu M và cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con, nên cần áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao con chung Diễm M và Diễm H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Đối với cháu H, vốn sống từ nhỏ đến nay cùng với bố mẹ đẻ của anh Huân, cháu có nguyện vọng được anh H trực tiếp nuôi dưỡng, cũng là phù hợp với nguyện vọng được nuôi con, nuôi cháu của anh H và bố mẹ anh H, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con Lương Lê Công H cho đến khi con đủ 18 tuổi là đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Tại đơn khởi kiện, chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con đối với hai con là Lương Lê Diễm H và Lương Lê Diễm M. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị rút yêu cầu cấp dưỡng đối với con Lương Lê Diễm M, nên cần áp dụng khoản 2 điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử yêu cầu này của chị T. Đối với yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con Lương Lê Diễm H, Hội đồng xét xử thấy rằng, anh H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nên có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng đối với con Lương Lê Diễm H cho chị T.

Xét về mức tiền cấp dưỡng hàng tháng mà chị T yêu cầu thì thấy rằng: Anh H có việc làm, thu nhập ổn định, nên mức tiền cấp dưỡng hàng tháng mà chị T đưa ra là 1.000.000 đồng/tháng đối với con Lương Lê Diễm H, là phù hợp với điều kiện khả năng kinh tế của anh H, cũng như điều kiện kinh tế, xã hội chung tại địa phương để đảm bảo hỗ trợ cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh H phải cấp dưỡng hàng tháng tiền nuôi con chung Lương Lê Diễm H cho chị T với mức tiền là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9/2017.

Đối với cháu Lương Lê Công H, chị T không trực tiếp nuôi con, song do anh H không thể hiện quan điểm gì về việc yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, nên được coi là anh không có yêu cầu về cấp dưỡng tiền nuôi con đối với chị T.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị T là nguyên đơn, nên phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng; Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con, nên phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Lương Công H.

- Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Lương Lê Diễm M và Lương Lê Diễm H, cùng sinh ngày 11/12/2015 (hiện đang sống cùng với chị T tại thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương); giao cho anh Lương Công H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lương Lê Công H, sinh ngày 13/4/2008 (hiện đang sống cùng anh H) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị T và anh Lương Công H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Buộc anh Lương Công H cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, đối với con Lương Lê Diễm H, cho chị Lê Thị T với mức tiền 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành án xong về khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của T đối với anh H về việc cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho con Lương Lê Diễm M.

- Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang là 300.000 đồng (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2017/0002274 ngày 18/5/2017. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Anh Lương Công H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- VKSND huyện Bình Giang;*
*- THADS huyện Bình Giang;*
*- UBND xã C, huyện C.*
*- Lưu HSVA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**NGUYỄN VĂN CƯỜNG**